

TÁC ĐỘNG CỦA DI CƯ TRONG NƯỚC ĐẾN GIẢM NGHÈO Ở VIỆT NAM

Lê Quốc Hội*, Nguyễn Thị Hoài Thu**

Ngày nhận: 12/12/2014

Ngày nhận bản sửa: 29/12/2014

Ngày duyệt đăng: 03/01/2015

Tóm tắt:

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu cấp tỉnh để ước lượng tác động của di cư trong nước tới giảm nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn 1998 - 2008. Kết quả nghiên cứu cho thấy di cư trong nước có tác động tích cực đến giảm nghèo, mặc dù tác động này không phải là tức thì, cụ thể ở đây là sau hai năm. Tiến hành tương tác biến di dân với một số biến khác, nghiên cứu phát hiện một điều khá thú vị, đó là tác động của di dân lên giảm nghèo sẽ mạnh hơn đối với các tỉnh có tỉ lệ bất bình đẳng cao. Ngoài ra, nghiên cứu này một lần nữa khẳng định vai trò của tăng năng suất nông nghiệp và vốn nhân lực trong xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam.

Từ khóa: di cư trong nước, giảm nghèo, Việt Nam

The impact of internal migration on poverty reduction in Vietnam

Abstract

Using data at provincial level, this study estimates the impacts of internal migration on poverty reduction in Vietnam from 1998 to 2008. It is found that internal migration has a positive impact on poverty reduction in the sending areas after two years. The results also show that the impact of migration on poverty alleviation is stronger in the provinces that have high inequality. In addition, this study also affirms the role of agricultural productivity and human capital in poverty reduction.

Keywords: Internal migration, Poverty, Vietnam

1. Đặt vấn đề

Di cư của con người là một chiến lược cho sự tồn tại ở nhiều quốc gia đang phát triển (de Sherbinin và cộng sự, 2007). Theo UNDP (2009), có khoảng 214 triệu người di cư quốc tế trên toàn thế giới, trong khi đó số người di cư nội địa cao hơn gấp 4 lần (khoảng 740 triệu người). Do sự phổ biến và phạm vi tác động lớn của di cư trong nước, vấn đề này đã và đang thu hút ngày càng nhiều quan tâm của các nhà nghiên cứu.

Mối liên hệ giữa di cư và xóa đói giảm nghèo đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu. Ngay từ các nghiên cứu của Stark và Taylor (1988, 1989), Lewis (1954) đã ngụ ý rằng di cư từ nông thôn ra thành thị có thể cải thiện thu nhập của người nghèo, xóa đói giảm nghèo và giảm chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. Trong những năm gần đây, nhiều nghiên

cứ thực nghiệm đã kết luận rằng di cư trong nước có tác động tích cực trong xóa đói giảm nghèo thông qua tiền gửi và ảnh hưởng của người di cư quay về (Zhao, 2001; Du và cộng sự, 2005). Nghiên cứu ở một số nước còn chỉ ra rằng nếu so sánh với di cư quốc tế, di cư trong nước có tác động giảm nghèo mạnh hơn (Adams, 2004; Lokshin và cộng sự, 2007). Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng tác động của di cư trong nước đến giảm nghèo có thể không hiệu quả như vậy. Kurita (2012) cho thấy dòng di cư không ảnh hưởng đến xóa đói giảm nghèo ở Thái Lan. Du và cộng sự (2005), McCulloch và cộng sự (2007) cho thấy di cư chỉ mang lại lợi ích cho một số hộ gia đình, trong khi đó tác động tổng thể lên đói nghèo là rất khiêm tốn.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong số lượng người di cư trong nước.

Theo điều tra dân số năm 2009, có 6,6 triệu người di cư nội địa trong giai đoạn 2004-2009, trong khi con số này là 4,5 triệu theo Tổng điều tra dân số năm 1999. Trong giai đoạn này, Việt Nam đồng thời đạt được nhiều thành tựu trong xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đáng kể từ 37,4% năm 1998 xuống 14,5% trong năm 2008 (Tổng hợp số liệu của Tổng cục Thống kê, 1998-2008). Điều này đặt ra câu hỏi rằng liệu có tồn tại mối quan hệ nào giữa di cư trong nước và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hay không?

Thời gian qua, các nghiên cứu về di dân và giảm nghèo ở Việt Nam phần lớn tập trung xem xét tác động của kiều hối quốc tế hoặc di cư nói chung lên đói nghèo. Các nghiên cứu này cũng đưa ra những kết luận khác nhau. De Brauw và Harigaya (2007) chỉ ra rằng di cư mùa vụ có đóng góp tích cực tới giảm nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn 1992-1998. Nguyen và cộng sự (2011) cho thấy di cư dài hạn với mục đích phi việc làm tạo ra thay đổi đáng kể trong khoảng nghèo và mức độ nghiêm trọng của đói nghèo đối với các hộ có người di cư. Tuy nhiên, cũng có nghiên cứu đã chỉ ra rằng không tồn tại mối liên hệ này. Nguyen và cộng sự (2013) cho thấy sự gia tăng của kiều hối không làm giảm bất kỳ chỉ số nào trong 3 chỉ số Foster-Greer-Thorbecke, trong khi đó bất bình đẳng lại có thể gia tăng. Nghiên cứu này nghi ngờ quan điểm cho rằng kiều hối có thể đóng vai trò quan trọng trong giảm nghèo ở các nước đang phát triển.

Như vậy, mặc dù di cư và nghèo đói là hai chủ đề đã nhận được nhiều sự chú ý tại Việt Nam, nhưng có rất ít nghiên cứu tập trung vào việc ước lượng tác động của di cư trong nước lên xóa đói giảm nghèo ở nước ta. Khác với các nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này sử dụng dữ liệu mảng cấp tỉnh và tương tác biến di dân với các biến số khác nhau trong việc ước tính tác động của di cư trong nước lên tỷ lệ nghèo, từ đó đề xuất một số giải pháp để giảm nghèo ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Mối quan hệ giữa di cư và đói nghèo đã được đề cập trong nhiều lý thuyết, tuy nhiên vẫn còn nhiều ý kiến tranh cãi về mối quan hệ giữa hai vấn đề này. Các tranh luận này có thể được chia thành hai cách tiếp cận trái ngược nhau, đó là “lạc quan” và “bi quan” (Taylor, 1999).

2.1.1. Quan điểm “lạc quan” về di cư

Ngay từ lý thuyết đầu tiên về di cư, Ravenstein (1885 và 1889) đưa ra “các quy luật của di cư” và chỉ ra rằng di cư là “một phần không thể tách rời của sự

phát triển”. Các nhà kinh tế học tân cổ điển khác theo mô hình tăng trưởng cân bằng cũng chủ trương di dân như một cách để phân bổ tối ưu các yếu tố sản xuất, và cả hai khu vực gửi và nhận đều thu được lợi ích. Lewis (1954) giải thích mối quan hệ này thông qua mô hình hai khu vực trong các nước đang phát triển, với khu vực nông nghiệp truyền thống ở nông thôn và khu vực sản xuất hiện đại ở thành thị. Sự di chuyển của lao động từ nông thôn ra thành thị là cần thiết cho sự tăng trưởng kinh tế và quá trình phát triển. Người nghèo di cư sẽ có được một mức lương cao hơn trong lĩnh vực hiện đại để nâng cao thu nhập của họ. Mặt khác, di cư làm cho lao động ở nông thôn giảm xuống, làm tăng năng suất và tiền lương ở khu vực này. Sự di chuyển của lao động sẽ chấm dứt khi mức lương trong cả hai khu vực gửi và nhận ngang bằng nhau. Như vậy, lý thuyết của Lewis hàm ý rằng di cư từ nông thôn ra thành thị có thể cải thiện thu nhập, xóa đói giảm nghèo và giảm chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

Các nhà kinh tế học mới về lao động di cư (NELM) quan niệm rằng quyết định di cư nên được xem xét trong một bối cảnh lớn hơn so với hành vi cá nhân. Ngoài lý do về thất bại của thị trường, “vị thế kinh tế tương đối” của hộ gia đình trong cộng đồng cũng là một lý do quan trọng trong quyết định di cư. Theo quan điểm này, di cư là “một chiến lược gia đình,” theo đó người di cư và gia đình của họ hành động để tối đa hóa thu nhập, giảm thiểu rủi ro, đa dạng hóa thu nhập và mở rộng giới hạn ngân sách thông qua tiền gửi. Các khoản tiền được sử dụng để bổ sung thu nhập hoặc đầu tư vào hoạt động sản xuất ở vùng nông thôn - nơi thường phải đối mặt với khan hiếm vốn (Stark và các cộng sự, 1978, 1985; Stark và Taylor, 1988, 1989). Do đó, mối liên kết giữa người di cư và gia đình họ thông qua kiều hối là một cách để xóa đói giảm nghèo trong các cộng đồng.

2.1.2. Quan điểm “bi quan” về di cư

Lý thuyết lịch sử - cấu trúc về phát triển phân tích mối liên hệ giữa di cư và nghèo đói chủ yếu trong bối cảnh sau chủ nghĩa thực dân, phân biệt chủng tộc và phát triển chủ nghĩa tư bản không đồng đều. Lý thuyết này mặc nhiên cho rằng sức mạnh kinh tế và chính trị là mất cân đối giữa các nước phát triển và kém phát triển; khả năng tiếp cận các nguồn lực của mọi người là bất bình đẳng. Di cư là một phần của quá trình chuyển đổi theo hướng chủ nghĩa tư bản, quá trình này bản chất là khai thác lao động di cư. Do đó, sau khi di cư, các quốc gia và khu vực giàu có hơn được hưởng lợi, trong khi các khu vực nghèo hơn không chỉ bị mất ổn định kinh tế, xã hội mà còn trở nên phụ thuộc nhiều hơn vào khu vực

phát triển (Frank, 1966).

2.2. Mô hình hồi quy và phương pháp ước lượng

2.2.1. Mô hình hồi quy

Dựa trên nghiên cứu của Kurita (2012), nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy cơ sở để ước tính tác động của di cư đến xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam như sau:

$$POV_{it} = \beta_1 + \beta_2 MIGR_{it} + \beta_3 APROD_{it} + \beta_4 GINI_{it} + \beta_5 GDPpc_{it} + \beta_6 HUMCAP_{it} + c_i + u_{it} \quad (1)$$

Trong đó i là mã của tỉnh ($i = 1, 2, \dots, 61$) và t là chỉ số thời gian. POV là tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo được tính bằng tỷ lệ phần trăm của những người có thu nhập bình quân đầu người dưới chuẩn nghèo chung. MIGR là tỷ suất xuất cư của tỉnh trong năm, đo bằng số người xuất cư của tỉnh trong năm tính trung bình trên 1000 dân. APROD là năng suất nông nghiệp của tỉnh trong năm. Vì gạo là sản phẩm nông nghiệp quan trọng nhất ở Việt Nam, biến này được đại diện bằng tổng sản lượng lúa/tổng diện tích trồng lúa. Đơn vị của năng suất nông nghiệp là 100 kg/ha. GINI là hệ số GINI, đo lường sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. GDPpc là GDP bình quân đầu người của tỉnh (đơn vị: 1000đ/tháng). HUMCAP là vốn nhân lực của tỉnh, được đại diện bởi số năm đi học bình quân của dân số trưởng thành.

Nghiên cứu này sẽ mở rộng mô hình với các biến tương tác để xem xét sự thay đổi về tác động của biến di dân lên xóa đói giảm nghèo trong mối quan hệ với các biến khác.

2.2.2. Dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng số liệu của 61 tỉnh thành từ Tổng cục Thống kê Việt Nam. Số liệu về tỷ lệ hộ nghèo, số năm đi học trung bình của dân số trưởng thành và hệ số GINI được ước lượng từ Điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) của các năm 1998,

2002, 2004, 2006 và 2008. Số liệu về tỷ suất xuất cư được lấy từ Điều tra dân số hàng năm trong giai đoạn 1997-2008.

2.2.3. Phương pháp ước lượng

Nghiên cứu này sử dụng mô hình tác động cố định và tác động ngẫu nhiên trong phân tích dữ liệu mảng để ước lượng tác động của di cư trong nước đến xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Tuy nhiên, do xảy ra tác động ngược (nghèo đói có thể gây ra hiện tượng di dân) và thiếu biến quan sát, mô hình phát sinh vấn đề sai lệch nội sinh. Để khắc phục vấn đề này, tác giả sẽ phân tích dựa trên kết quả của mô hình tác động cố định.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả ước lượng về tác động của di cư trong nước đến giảm nghèo

Bảng 2 trình bày các kết quả hồi quy cho mô hình (1) về tác động của di cư trong nước và một số biến khác đến giảm nghèo. Hồi quy 1 được chạy cho biến di cư trong năm t , hồi quy 2 và 3 được chạy cho các biến trễ của di cư, cụ thể là trước đó một năm ($t-1$) và trước đó hai năm ($t-2$). Hồi quy 4 được chạy cho mô hình với sự kết hợp của ba biến di cư để khẳng định lại kết quả.

Từ Bảng 2, có thể thấy chỉ có hệ số của biến di cư năm ($t-2$) là mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê. Điều này hàm ý rằng di cư trong nước không ảnh hưởng đến tỷ lệ hộ nghèo ngay lập tức, nhưng di cư của 2 năm trước đó lại có tác động. Cụ thể, tỷ lệ hộ nghèo sẽ giảm 0,46 điểm phần trăm (hồi quy 3) hoặc khoảng 0,6 điểm phần trăm (hồi quy 4) nếu như tỷ suất xuất cư của 2 năm trước đó tăng lên 1 điểm phần nghìn. Nguyên nhân ở đây có thể là cần có thời gian để người di cư tìm được việc làm tạo ra thu nhập và gửi tiền về cho gia đình của mình.

Tăng năng suất nông nghiệp có tác động tích cực đến giảm nghèo. Kết quả này cũng tương tự như nhiều nghiên cứu trên thế giới và kết luận trong Báo

Bảng 1: Tóm tắt dữ liệu

Biến số	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Pov	305	19.034	15.661	0.2	80
Migr	304	5.421	2.119	1.13	15.2
Migr1	305	5.901	2.865	0.2	19.6
Migr2	244	5.213	2.009	1.1	12
Aprod	304	43.863	9.674	16.2	65.7
Gini	305	0.325	0.0672	0.15	0.519
Gdppc	304	443.182	423.308	118.14	4108.54
Humcap	298	6.82	1.501	2.508	10.354

Bảng 2: Kết quả hồi quy

Biến giải thích	Hồi quy 1 (Fixed-effect)	Hồi quy 2 (Fixed-effect)	Hồi quy 3 (Fixed-effect)	Hồi quy 4 (Fixed-effect)
Di cư trong nước năm t (MIGR)	0,631 (0,391)			0,183 (0,191)
Di cư trong nước năm (t-1) (MIGR1)		-0,190 (0,262)		0,102 (0,119)
Di cư trong nước năm (t-2) (MIGR2)			-0,461** (0,186)	-0,586*** (0,193)
Năng suất nông nghiệp (APROD)	-1,459*** (0,180)	-1,487*** (0,180)	0,173 (0,105)	0,062 (0,115)
Bất bình đẳng (GINI)	26,337* (14,213)	30,182** (14,309)	57,861*** (7,596)	49,153*** (7,691)
GDP bình quân đầu người (GDPpc)	-0,001 (0,002)	-0,001 (0,002)	-0,002* (0,001)	-0,002* (0,001)
Vốn nhân lực (HUMCAP)	-3,254** (1,286)	-3,120** (1,289)	-2,903*** (0,643)	1,157 (0,701)
Hệ số chặn	93,267*** (6,657)	97,126*** (6,631)	8,074 (5,152)	-11,900** (4,719)
R2 within	0,432	0,427	0,476	0,429
Số quan sát	297	297	236	240

Ghi chú: Biến phụ thuộc: Tỷ lệ nghèo (POV). *, **, *** lần lượt là mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%. Số liệu trong ngoặc đơn là độ lệch tiêu chuẩn

Nguồn: Ước lượng của tác giả từ số liệu mảng

cáo Phát triển Thế giới năm 2008 (WB, 2008). Như chương 2 đã chỉ ra rằng hầu hết người nghèo đang tập trung ở khu vực nông thôn và sống dựa vào nông nghiệp. Do đó, bằng chứng này càng khẳng định rằng tác động vào lĩnh vực nông nghiệp là một kênh hiệu quả để giảm đói nghèo ở Việt Nam.

Trong nghiên cứu này, hệ số của biến GINI mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê. Điều này hàm ý rằng các tỉnh có bất bình đẳng cao cũng sẽ có một tỷ lệ nghèo cao hơn. Kết quả này cũng tương tự như nghiên cứu của Le (2008) và ủng hộ ý tưởng rằng cải thiện vấn đề bất bình đẳng và giảm nghèo là hai nhiệm vụ cần được tiến hành đồng thời.

Hệ số của biến GDP bình quân đầu người và vốn nhân lực đều mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê. Hay nói cách khác, cả hai chỉ số này đều có tác động tích cực đến giảm nghèo ở Việt Nam.

3.2. Kết quả ước lượng mô hình với biến tương tác

Để xem xét ảnh hưởng của các biến độc lập khác lên tác động giảm nghèo của di cư trong nước, nghiên cứu này chạy thêm mô hình hồi quy tác động cố định với các biến tương tác. Bảng 3 thể hiện kết quả của mô hình này.

Một điều khá ngạc nhiên là chỉ có duy nhất biến GINI (thể hiện mức độ bất bình đẳng trong thu nhập) là có ảnh hưởng tới tác động giảm nghèo của biến di dân, tất cả các biến độc lập khác đều không có ảnh hưởng. Điều này hàm ý rằng, ở các tỉnh có mức độ bất bình đẳng cao, di dân sẽ có giúp giảm nghèo nhiều hơn so với các tỉnh có mức độ bất bình đẳng thấp. Lý do ở đây có thể là ở các tỉnh có bất bình đẳng cao, người nghèo có thể có động lực lớn hơn để di cư (Theo lý thuyết của NELM, “vị trí kinh tế tương đối” là một nhân tố quan trọng trong việc

ra quyết định di cư) và nỗ lực hơn để thoát nghèo.

Như có thể thấy ở Bảng 3, các biến năng suất nông nghiệp và GDP bình quân đầu người không ảnh hưởng tới tác động của di dân lên giảm nghèo. Điều này có thể đơn giản chỉ là tác động của di dân lên giảm nghèo sẽ trực tiếp thông qua tiền gửi về hoặc tác động của người quay về, nó không liên quan đến việc tỉnh đó có năng suất nông nghiệp và GDP bình quân đầu người cao hay thấp.

Kỳ vọng ban đầu đối với biến vốn nhân lực đó là tỉnh nào có vốn nhân lực cao thì di dân sẽ có tác động mạnh hơn lên giảm nghèo. Lý do là vì nếu người di cư có trình độ học vấn cao hơn, họ có thể kiếm được một công việc tốt hơn và có thu nhập cao hơn. Tuy nhiên, kết quả của mô hình cho thấy vốn nhân lực cũng không ảnh hưởng đến mối liên hệ giữa di cư và giảm nghèo. Điều này có thể giải thích là những người di cư có trình độ học vấn cao không phải là người nghèo và hành động của họ không ảnh hưởng đến tỷ lệ nghèo ở quê hương họ. Mặt khác, những người nghèo có trình độ học vấn thấp có thể đã không di cư.

4. Kết luận và khuyến nghị

Bảng 3: Kết quả hồi quy mô hình với biến tương tác

Di cư trong nước năm (t-2)	(MIGR2)	1,901 (1,538)
Năng suất nông nghiệp	(APROD)	0,140 (0,147)
Bất bình đẳng	(GINI)	92,012*** (16,151)
GDP bình quân đầu người	(GDPpc)	-0,007* (0,004)
Vốn nhân lực	(HUMCAP)	-2,334** (1,037)
MIGR2*APROD		0,004 (0,019)
MIGR2*GINI		-6,726** (2,925)
MIGR2*GDPpc		0,001 (0,001)
MIGR2*HUMCAP		-0,1088 (0,156)
Hệ số chặn		-3,630 (9,055)
Số quan sát		236
R bình phương		0,493

Ghi chú: Biến phụ thuộc: Tỷ lệ nghèo (POV). *, **, *** lần lượt là mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%. Số liệu trong ngoặc đơn là độ lệch tiêu chuẩn

Nguồn: Ước lượng của tác giả từ số liệu mảng

4.1. Kết luận

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu nhưng xóa đói giảm nghèo vẫn đang là một nhiệm vụ khó khăn và lâu dài ở Việt Nam. Trong khi đó, di cư trong nước ở Việt Nam đang không ngừng gia tăng trong thời gian qua. Việc đóng góp thêm những bằng chứng đáng tin cậy về tác động của di cư lên giảm nghèo ở Việt Nam là điều rất cần thiết. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu cấp tỉnh và tương tác biến di dân với nhiều biến khác để phân tích tác động của di cư trong nước lên giảm nghèo ở Việt Nam.

Kết quả thực nghiệm cho thấy rằng, di cư trong nước có đóng góp tích cực vào giảm nghèo ở Việt Nam thời gian qua. Tác động này không phải là tức thì mà phải mất 2 năm, di cư trong nước mới làm giảm tỷ lệ nghèo đói ở các tỉnh.

Nghiên cứu này một lần nữa khẳng định vai trò của tăng năng suất nông nghiệp, cải thiện vốn nhân lực lên giảm nghèo ở Việt Nam. Hơn nữa, những tác động này diễn ra nhanh hơn tác động của di dân lên giảm nghèo.

Tiến hành tương tác biến di dân với một số biến khác, nghiên cứu phát hiện ra rằng các tỉnh có mức

độ bất bình đẳng cao, xuất cư sẽ có tác động lên giảm nghèo lớn hơn các tỉnh có mức độ bất bình đẳng thấp hơn.

4.2. Khuyến nghị chính sách

Dựa trên các kết quả chính của nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam như sau:

4.2.1. Tăng cường lợi ích từ di cư trong nước

Mặc dù tác động tổng thể của di cư trong nước cần được nghiên cứu thêm, nhưng đứng trên góc độ giảm nghèo, di cư trong nước là một con đường để xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Chính vì vậy, cần phải nâng cao lợi ích của quá trình di dân trong nước mang lại. Đầu tiên, sự tồn tại của lao động nhập cư phản ánh tình trạng thiếu hụt lao động ở nơi đến. Chính vì vậy, để nâng cao lợi ích từ lao động di cư cho cả nơi gửi và nơi nhận, chính quyền các cấp cần có các thống kê và quy hoạch cụ thể về lực lượng lao động của địa phương. Bởi vì lao động di cư phải mất khá nhiều thời gian để có được công việc phù hợp và tạo ra thu nhập gửi về quê. Theo kết quả ước lượng, lao động di cư có tác động giảm nghèo ở địa phương sau 2 năm di chuyển; đồng thời theo UNFPA (2007), phần lớn lao động di cư có được thông tin về thị trường lao động ở nơi đến thông qua người quen hơn là từ các nguồn thông tin chính thức. Thêm vào đó, rất nhiều lao động nhập cư không biết được quyền lợi của họ, dẫn đến họ dễ gặp các rủi ro về phân biệt đối xử hay bị khai thác quá mức trong công việc. Chính vì vậy, việc thiết lập các cơ quan cung cấp thông tin đáng tin cậy cho lao động di cư là việc làm cần thiết. Một kết luận quan trọng khác của nghiên cứu gợi ý rằng, di cư có thể nên được khuyến khích ở các tỉnh có tỷ lệ nghèo cao và mức độ bất bình đẳng cao. Các tỉnh như Lai Châu, Sơn La, Khánh Hòa... là những tỉnh có thể xem xét vấn đề di cư trong cuộc chiến chống đói nghèo.

4.2.2. Cải thiện năng suất nông nghiệp

Theo Tổng cục Thống kê, có đến 90% người nghèo ở Việt Nam sống ở nông thôn, và nông nghiệp là nguồn sinh kế của gần một nửa dân số

nông thôn năm 2007. Chính vì vậy, tăng năng suất nông nghiệp đóng vai trò là giải pháp then chốt để giảm nghèo ở Việt Nam. Để thúc đẩy tăng năng suất nông nghiệp, con đường hiệu quả nhất đó là ứng dụng khoa học kỹ thuật vào tất cả các công đoạn từ khâu giống đến khâu thu hoạch, chế biến. Trong điều kiện thiếu vốn, người nông dân cần có sự hỗ trợ từ chính quyền để có thể ứng dụng máy móc vào quy trình sản xuất. Mặt khác, hoạt động nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp cũng cần được hỗ trợ. Hoạt động này sẽ tạo ra những cây giống có phẩm chất tốt và năng suất cao, đồng thời tìm ra được quy trình sản xuất hiệu quả. Một giải pháp không kém phần quan trọng đó là đào tạo người lao động để họ có được những kiến thức cơ bản trong sản xuất nông nghiệp, biết ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Ví dụ như cần nâng cao hiệu quả và phạm vi của chương trình GAP, thông qua chương trình này người nông dân sẽ được đào tạo để sản xuất các sản phẩm an toàn và có giá trị cao hơn.

4.2.3. Nâng cao vốn nhân lực

Như nhiều nghiên cứu khác, nghiên cứu này đưa ra thêm bằng chứng về vai trò của vốn nhân lực trong xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Để nâng cao vốn nhân lực, cần chú ý cải thiện tất cả các thành tố cấu thành, bao gồm sức khỏe, kiến thức, kỹ năng và động lực của người lao động. Đầu tiên, cần có các quy hoạch về nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Kinh nghiệm thành công của các nước trên thế giới cho thấy quan tâm phát triển giáo dục đào tạo là yếu tố then chốt để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, là nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển bền vững. Song song với cải thiện chất lượng giáo dục đào tạo đó là cần có các chính sách đãi ngộ hợp lý. Điều này vừa giúp cho việc sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn, vừa tạo động lực cho các cá nhân tự nâng cao kiến thức và kỹ năng làm việc. Bên cạnh đó, để nâng cao vốn nhân lực cần phải quan tâm cải thiện chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng như bảo đảm an sinh xã hội. □

Tài liệu tham khảo

- Du Y., Park, A., và Wang, S. (2005), 'Migration and Rural Poverty in China'. *Journal of Comparative Economics*, tập 33, trang 688-709.
- De Brauw, A. và Harigaya, T. (2007), 'Seasonal Migration and Improving Living Standards in Vietnam', *American Journal of Agricultural Economics*, tập 89 số 2, trang 430-447.
- de Sherbinin, A., Carr, D., Cassels, S. và Jiang, L. (2007), 'Population and Environment', *Annual Review of Environment and Resources*, tập 32, trang 345-373.
- Frank, A.G. (1966), 'The Development of Underdevelopment', *Monthly Review September*, 1966.
- Kurita, Kyosuke (2012), 'Spatial Econometric Analysis of The Relationship Between Poverty Reduction And Migra-

- tion In Thailand'. *The 3th International Convention of the East Asian Economic Association, Session CS3D: Poverty and Inequality I*, Singapore.
- Le Quoc Hoi (2008), 'The Linkages between Growth, Poverty and Inequality in Vietnam: An Empirical Analysis', *Working Papers 06, Development and Policies Research Center (DEPOCEN)*, Vietnam.
- Lewis, W.A. (1954). 'Economic Development with Unlimited Supplies of Labour', *Manchester School of Economic and Social Studies*, số 22, trang 139-91.
- Lokshin, Michael, Bontch-Osmolovski, Mikhail và Glinskaya, Elena (2007), 'Work-related Migration and Poverty Reduction in Nepal', *World Bank Policy Research Working*, số 4231.
- McCulloch, Neil, Timmer, C. Peter và Weisbrod, Julian (2007). 'Pathways out of poverty during an economic crisis: An empirical assessment of rural Indonesia', *Working Paper*, số 115.
- Nguyen, Cuong, van den Berg, Marrit và Lensink, Robert (2011). 'The impact of work and non-work migration on household welfare, poverty and inequality: New evidence from Vietnam'. *The Economics of Transition, The European Bank for Reconstruction and Development*, tập 19 số 4, trang 771-799.
- Nguyen, Cuong, van den Berg, Marrit và Lensink, Robert (2013), 'The Impact of International Remittances on Income, Work Efforts, Poverty and Inequality: Evidence from Vietnam'. *MPRA Paper*, số 50313.
- Adams, Richard H. Jr. (2004), 'Remittances and Poverty in Guatemala', *World Bank Policy Research*, số 3418.
- Ravenstein, E.G. (1885), 'The Laws of Migration', *Journal of the Statistical Society of London*, tập 48, số 2, trang 167-235.
- Ravenstein, E.G. (1889), 'The Laws of Migration', *Journal of the Royal Statistical Society*, tập 52, số 2, trang 241-305.
- Stark O., Taylor J.E. và Yitzhaki, S. (1988), 'Migration, Remittances in Inequality: A Sensitivity Analysis Using the Extended Gini Index', *Journal of Development Economics*, số 28, trang 309-22.
- Stark, O. và Taylor, J.E. (1989), 'Relative Deprivation and International Migration', *Demography*, tập 26 số 1, trang 1-14.
- Stark, O. (1978), 'Economic-Demographic Interactions in Agricultural Development: The Case of Rural-to-Urban Migration'. *Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO)*, Rome.
- Stark, O. và Bloom, D. (1985), 'The new economics of labor migration', *American Economic Review*, tập 75 số 2, trang 173-178.
- Taylor, E.J. (1999), 'The New Economics of Labour Migration and the Role of Remittances in the Migration Process'. *International Migration*, tập 37, số 1, trang 63-88.
- UNDP [Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc] (2009). 'Overcoming barriers: Human mobility and development', *Human Development Report 2009*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- UNFPA [Quỹ dân số Liên hiệp quốc] (2007). 'Internal Migration in Vietnam. The Current Situation', Tổng cục Thống kê, Hà Nội.
- WB [Ngân hàng Thế giới] (2008). 'Agriculture for Development', *World Development Report 2008*, The World Bank, Washington, D.C.
- Zhao, Yaohui (2001), 'Causes and Consequences of Return Migration: Recent Evidence from China', *China Center for Economic Research, Beijing University*, Beijing.

Thông tin tác giả:

* **Lê Quốc Hội**, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Tổng Biên tập, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: tăng trưởng, đói nghèo và bất bình đẳng thu nhập; đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Một số tạp chí đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Journal of Asia Pacific Economy, Journal of South East Asia Economies, Asian Economic Journal, Kinh tế và Phát triển, Nghiên cứu kinh tế, Phát triển Kinh tế.*
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: hoilq@neu.edu.vn

****Nguyễn Thị Hoài Thu**, thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Bộ môn Kinh tế, Học viện Ngân hàng
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Di cư, đói nghèo, tăng trưởng kinh tế.
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: thunth1011@gmail.com